

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	28.020.358.000	28.020.358.000	1.718.490.859	1.718.490.859	6,13	6,13
I	Các khoản thu 100%	170.000.000	170.000.000	11.811.500	11.811.500	6,95	6,95
1	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	11.623.500	11.623.500	58,12	58,12
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	110.000.000	110.000.000				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			188.000	188.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.242.358.000	15.242.358.000	313.936.859	313.936.859	2,06	2,06
1	Các khoản thu phân chia	94.000.000	94.000.000	277.040.157	277.040.157	294,72	294,72
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000.000	12.000.000	221.995.900	221.995.900	1.849,97	1.849,97
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	12.000.000	12.000.000	300.000	300.000	2,50	2,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	70.000.000	54.744.257	54.744.257	78,21	78,21
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	15.148.358.000	15.148.358.000	36.896.702	36.896.702	0,24	0,24
2.1	Thu tiền sử dụng đất	14.993.358.000	14.993.358.000				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	85.000.000	85.000.000	24.638.334	24.638.334	28,99	28,99
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000	70.000.000	12.258.368	12.258.368	17,51	17,51
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			63.572.500	63.572.500		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.608.000.000	12.608.000.000	1.329.170.000	1.329.170.000	10,54	10,54
1	Thu bổ sung cân đối	4.758.000.000	4.758.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	25,22	25,22
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.850.000.000	7.850.000.000	129.170.000	129.170.000	1,65	1,65